

Bản án số: 234/2018/DS-PT

Ngày: 07/02/2018

V/v Tranh chấp chia tài sản
chung và tranh chấp chia
di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Đức Toàn
2. Ông Uông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh
Thị Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 01 và ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý
số 562/2017/TLPT-DS ngày 02/11/2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung
và tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1738/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa
án nhân dân quận B- Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2018/QĐPT-DS ngày
10/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1954

Địa chỉ: 49/5/13 T 16, khu phố X, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí
Minh

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1957

Địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc U, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xã N, huyện C, tỉnh G

Địa chỉ liên lạc: 55 đường số N cư xá V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ
Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1965

Địa chỉ: Phòng 3 lầu 9 Chung cư B, số 351/31 Đường I, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954; địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng: 10401, quyền số 5 ngày 12/5/2009 của Phòng Công chứng Số 6 Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm: 1967

Địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Nguyễn Văn B

4. Bà Đinh Thị Như M; sinh năm: 1954

5. Bà Nguyễn Thị Thanh R, sinh năm 1977

6. Bà Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1983

7. Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: 87/201 A Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Bà Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê, sinh năm 1994

9. Bà Đặng Thị Phương K, sinh năm 1972

10. Trẻ Nguyễn Đăng Mỹ A, sinh ngày 11/9/2000

11. Trẻ Nguyễn Đăng Công V, sinh ngày 26/10/2009

12. Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1977

13. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1976

14. Ông Nguyễn Kim G, sinh năm 1983

15. Ông Nguyễn Kim S, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2008, bản tự khai ngày 11/11/2008, biên bản hòa giải ngày 05/5/2009, cũng như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị Đ là ông Đỗ Văn Y và bà Nguyễn Thị R sống chung từ năm 1951. Khoảng năm 1956 - 1957, cha mẹ của bà Đ có mua căn nhà số 382B đường V, nay đổi số mới là 87/201 Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Y và bà R chỉ có một con chung là bà Nguyễn Thị Đ. Năm 1962, bà R chết. Năm 1964, ông Y sống chung với bà Nguyễn Thị Á có một con chung là bà Nguyễn Thị H. Ông Y nhận con riêng của bà Á là ông Nguyễn Kim O là con và nhận ông Nguyễn Mạnh H là con nuôi. Ông O và ông H có khai sinh mang tên ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị Á. Năm 1995, ông Y chết. Năm 2007, bà Á chết.

Từ sau khi ông Y và bà R chết, bà Á quản lý và sử dụng căn nhà trên. Sau khi bà Á chết, ông O và vợ con của ông O quản lý và sử dụng căn nhà trên. Năm

2008, ông O chết, vợ của ông O là bà Huỳnh Thị D và các con, cháu của ông O, bà D, gồm: ông/bà Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê, Đặng Thị Phương K, Nguyễn Đăng Mỹ A, Nguyễn Đăng Công V, Nguyễn Kim B, Trần Thị Mỹ H, Nguyễn Kim G tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất trên cho đến nay. Bà Đ biết ông O và bà D đã tự ý bán một phần căn nhà trên cho ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Như M mang số 87/201A Đường T, Phường P, quận B.

Nay, bà Đ yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, ông O và vợ con ông O có chăm sóc ông Y và có sửa chữa căn nhà trên nên bà đồng ý trích ra một suất để cho vợ con ông O hưởng phần mà lý ra ông O được hưởng nếu còn sống.

Tại Tờ tường trình ngày 04/4/2009, biên bản hòa giải ngày 05/5/2009, bà Huỳnh Thị D là bị đơn và ông Nguyễn Kim G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà D trình bày:

Năm 1972, bà Huỳnh Thị D lấy ông Nguyễn Kim O. Ông O là con của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị Á. Bà Á, ông Y có một con chung là bà Nguyễn Thị H và con nuôi là ông Nguyễn Mạnh H. Từ lúc bà D về sống chung bên chồng từ năm 1972 đến nay, không có mặt bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Kim G xác định nhà đất số 87/201 Đường T, Phường P, quận B mà hiện nay bà D và các con đang ở có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị Á, còn nguồn gốc nhà đất thế nào đề nghị xem xét giấy tờ. Ông G xác nhận cha mẹ của ông là ông Nguyễn Kim O và bà Huỳnh Thị D có bốn người con gồm: Ông/bà Nguyễn Kim B, Nguyễn Kim S, Nguyễn Kim G và Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê.

Từ năm 1972 đến nay, vợ chồng bà Dậu bù đắp, sửa chữa, nâng cấp căn nhà trên từ căn nhà ọp ẹp, ngập nước, nền đất, vách gỗ. Nay, ông G đề nghị chia tài sản chung và chia thừa kế theo quy định pháp luật và tính phần sửa chữa tôn tạo nên.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2008, biên bản hòa giải ngày 05/5/2009, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà Nguyễn Thị Đ là đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H thống nhất ý kiến với bà Nguyễn Thị Đ về nguồn gốc của nhà đất số 87/201 Đường T, Phường P, quận B của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị R. Ông H và bà H xác định bà Nguyễn Thị Đ là con của ông Y và bà R. Bà H là con chung của ông Y và bà Quát. Ông O là con riêng của bà Quát nhưng được ông Y nhận làm con. Ông H là con nuôi của ông Y và bà Quát. Ông O và ông H có khai sinh mang tên ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị Á. Về thời gian bà R, ông Y và bà D chết đúng như lời trình bày của bà Đ. Nay, ông H và bà H yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2010, ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Như M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 03/11/1998, ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Như M có mua của bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Kim O căn nhà số 87/201A Đường T, Phường P, quận B, diện tích căn nhà 3,2 m x 4,2 m với giá là 50.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tay bán nhà. Khi mua căn nhà tường có gác là nhà phụ của căn nhà số 87/201 Đường T, Phường P, quận B có trước năm 1975. Sau khi mua nhà, ông B và bà M có sửa chữa hết khoảng 100.000.000 đồng. Năm 1999, ông B và bà M có làm kê khai nhà đất và có đóng thuế hàng năm. Khi mua nhà, mẹ của ông O còn sống và cư ngụ tại đó cũng biết sự việc này.

Hiện nay, ông B và bà M đã mua nhà xong nên ông B và bà M không đồng ý bà Đ yêu cầu chia thừa kế căn nhà của ông bà.

Tại bản án sơ thẩm số 1738/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 214/2017/QĐ-SCBSBA ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân quận B- Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị R và phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn O đối với nhà đất số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện theo Chứng thư thẩm định giá số: 1940/HĐKT/TĐG-SGL ngày 22/6/2011 của Công ty TNHH Một thành viên Thẩm định giá Sài Gòn Nhà Đất và Bản vẽ hiện trạng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết kế Xây dựng và Du lịch Ngân Hà lập ngày 20/10/2010 được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 19/01/2011. Nhà đất số 87/201 Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích được công nhận là 53,6m², diện tích xây dựng là 93,21m² và nhà đất số 87/201A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích được công nhận là 13,1m², diện tích xây dựng là 34,19m².

2. Phân chia tài sản chung có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị R và phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn O đối với nhà đất số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Đ được phân chia 25% trị giá nhà ở và quyền sử dụng đất ở có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị R và hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn O là 15 % trị giá nhà ở và quyền sử dụng đất ở và 3,75% di sản thừa kế của bà A, tổng cộng bà Nguyễn Thị Đ được phân chia 43,75% trị giá nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 87/201 và 87/201 A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông/bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Mạnh H, mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn O là 15% và hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị A là 3,75%. Tổng cộng, mỗi người được hưởng 18,75% trị giá nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Kim O, gồm ông, bà Huỳnh Thị D, Nguyễn Kim B, Nguyễn Kim S, Nguyễn Kim G và Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim O bằng 18,75% trị giá nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, quận B để phân chia các đương sự theo tỷ lệ nêu trên.

Thi hành tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 27.735.625đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền 1.875.000 (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Đ nộp theo Biên lai thu số 008651 ngày 11/11/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà Nguyễn Thị Đ còn phải nộp 25.860.625 (Hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh H, mỗi người phải chịu 15.687.187 (mười lăm triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn một trăm tám mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người thừa kế của ông Nguyễn Kim O, gồm ông, bà Huỳnh Thị D, Nguyễn Kim B, Nguyễn Kim S, Nguyễn Kim G và Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê phải chịu 15.687.187 (mười lăm triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn một trăm tám mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản sao bản án.

Ngày 18/9/2017, bị đơn bà Huỳnh Thị D có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D do bà Nguyễn Thị Ngọc U đại diện trình bày: Căn nhà số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, Quận B là di sản của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị A không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị R do căn cứ vào giấy thế vì hôn thú số 2252/HT của Tòa hòa giải ngày 28/4/1964 đã ghi nhận ông Y và bà A cưới nhau và lập hôn thú ngày 10/8/1954 tại Phú Đa tỉnh Hà Nam. Hơn nữa, theo quy định của Điều 1 Luật Đất đai năm 1987 người sử dụng đất phải hợp pháp từ trước năm 1975, theo Luật Đất đai năm 1987 là của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị A. Vì vậy Tòa sơ thẩm xác định nhà - đất nêu trên có nguồn gốc là của ông Y và bà R để chia 50% giá trị di sản cho bà R là không phù hợp với chứng cứ khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Đồng thời, trong thời gian sử dụng bà Huỳnh Thị D và gia đình có công bảo quản nhà, quản lý nhà và đã sửa chữa nhà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức bảo quản, quản lý và sửa chữa nhà tổng giá trị là 500.000.000 đồng, tại Tòa sơ thẩm bà D đã yêu cầu nhưng không được giải quyết.

Nay đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị Đ đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm có những sai sót như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc sửa chữa bản án của Tòa sơ thẩm không thông qua Hội đồng xét xử, việc tổng đạt giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án... cho các đương sự không đảm bảo thủ tục Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chưa điều tra, giải quyết hợp đồng mua bán nhà giữa bà D, ông O với ông B, bà M, không giải quyết chi phí sửa chữa nhà và công sức quản lý gìn giữ nhà.

Do đó, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1738/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Như M, bà Nguyễn Thị Thanh R, bà Nguyễn Thị Thanh Q, ông Nguyễn Bá L, bà Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê, bà Đặng Thị Phương K, Trẻ Nguyễn Đăng Mỹ A, Trẻ Nguyễn Đăng Công V, ông Nguyễn Kim B, bà Trần Thị Mỹ H, ông Nguyễn Kim G, ông Nguyễn Kim S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bà Huỳnh Thị D yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị R để lại là căn nhà số 382B đường V nay là số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngược lại phía bị đơn bà Huỳnh Thị D do bà Nguyễn Thị Ngọc U đại diện cho rằng căn nhà có số nêu trên không phải là di sản của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị R mà là di sản của ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị A là cha mẹ chồng của bà D nay bà Đ và bà D cùng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tuy nhiên, tại giấy bán nhà ngày 03/11/1998 (bút lục 91) thể hiện bà Huỳnh Thị D có bán cho ông Nguyễn Văn B một căn nhà số 87/201A diện tích 3,2m x 4,2 m.

Khi giải quyết chia thừa kế và chia tài sản chung căn nhà số 382B đường V nay là số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ông B, bà M không yêu cầu xem xét giải quyết quan hệ giao dịch này nhưng Tòa cấp sơ thẩm cần phải xem xét giải quyết giao dịch mua bán nhà giữa bà D và ông Nguyễn Văn B và giải quyết hậu quả của Hợp đồng mua bán nhà trong cùng một vụ án để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc U đại diện bà D còn cho rằng tài sản từ năm 1972 đến nay bà D và các con bảo quản và quản lý di sản, đồng thời đã xây dựng sửa chữa căn nhà thừa kế từ nhà gỗ thành nhà cấu trúc hiện nay.

Phía nguyên đơn bà Đ đã thừa nhận bị đơn bà D có sửa chữa nhà nhưng không biết sửa chữa những gì và yêu cầu xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc sửa chữa nhà. Hội đồng xét xử nhận thấy tại khoản 2 điều 616 và tại khoản 2, 3 Điều 618 của Bộ luật Dân sự 2015 thì chi phí bảo quản, quản lý là một trong những chi phí được ưu tiên thanh toán khi phân chia di sản. Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia di sản mà không xem xét đến công sức bảo quản quản lý và chi phí sửa chữa nhà cho bà D là không đúng.

Hơn nữa, tại phần quyết định của bản án Sơ thẩm không tuyên buộc những người đang cư trú tại căn nhà số 87/201 và 87/201A Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải bàn giao nhà trống cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi nhà thi hành án.

Từ những phân tích trên, việc xét xử của Tòa cấp sơ thẩm là chưa toàn diện triệt để các yêu cầu của đương sự làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi

hợp pháp của bà D. Xét, đây là thiếu sót của Tòa án cấp Sơ thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục theo thủ tục phúc thẩm được, nên cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Do hủy án dân sự phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét các yêu cầu kháng cáo của bà D.

Án phí dân sự phúc thẩm do hủy án nên bà Huỳnh Thị D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148 và khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Hủy bản án sơ thẩm số 1738/2017/DS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân quận B - Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1954

Địa chỉ: 49/5/13 T 16, khu phố X, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1957

Địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc U, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xã N, huyện C, tỉnh G

Địa chỉ liên lạc: 55 đường số N cư xá V, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1965

Địa chỉ: Phòng 3 lầu 9 Chung cư B, số 351/31 Đường I, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954; địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng: 10401, quyền số 5 ngày 12/5/2009 của Phòng Công chứng Số 6 Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm: 1967

Địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Nguyễn Văn B

4. Bà Đinh Thị Như M; sinh năm: 1954

5. Bà Nguyễn Thị Thanh R, sinh năm 1977

6. Bà Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1983

7. Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: 87/201 A Đường T, Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Bà Nguyễn Huỳnh Kỳ Ê, sinh năm 1994

9. Bà Đặng Thị Phương K, sinh năm 1972

10. Trẻ Nguyễn Đăng Mỹ A, sinh ngày 11/9/2000

11. Trẻ Nguyễn Đăng Công V, sinh ngày 26/10/2009

12. Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1977

13. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1976

14. Ông Nguyễn Kim G, sinh năm 1983

15. Ông Nguyễn Kim S, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: 87/201 Đường T, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận B - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Hoàn lại 300.000 đồng cho bà Huỳnh Thị D tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002955 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu (T/32).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tuyết Mai